



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Nghiên cứu marketing

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	01	181	6,0	1	Kiên	le
2	000002	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	182	6,8	1	Hoàng	chấn
3	000003	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	183	6,3	1	Lê	le
4	000004	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	184	7,0	1	Anh	chấn
5	000005	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	185	5,0	1	Ngô	le
6	000006	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	186	4,3	1	Ngô	chấn
7	000007	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	187	5,8	1	Nguyễn	le
8	000008	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	188	4,8	1	Phạm	HP?
9	000009	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	189	4,8	1	Phạm	le
10	000010	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01	190	4,5	1	Phạm	chấn
11	000011	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01	191	2,5	1	Trần	le
12	000012	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	192	5,5	1	Trịnh	chấn
13	000013	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	193	3,5	1	Anh	le
14	000014	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
15	000015	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	194	4,3	1	Nguyễn	le
16	000016	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	195	5,3	1	Bình	chấn
17	000017	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	196	3,3	1	Dương	le
18	000018	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	197	6,0	1	Đạt	chấn
19	000019	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	198	7,0	1	Duyên	le
20	000020	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	199	6,0	1	Duyên	chấn
21	000021	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	01	200	3,3	1	Giang	le
22	000022	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	201	6,8	1	Hà	chấn
23	000023	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	202	7,0	1	Hải	le
24	000024	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	212	6,5	1	Đào	chấn
25	000025	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	203	7,3	1	Hiền	le
26	000026	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	204	4,5	1	Nguyễn	chấn
27	000027	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	205	5,0	1	Hiệp	le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	206	5,8	1	Hiếu	chấm
29	000029	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	207	5,5	1	Hoa	lẻ
30	000030	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	208	6,8	1	Hoàng	chấm
31	000031	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	209	4,2	1	Hồng	lẻ
32	000032	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	210	5,3	1	Khánh	chấm
33	000033	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	211	7,0	1	Lan	lẻ
34	000034	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01					Vắng
35	000035	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	01					Vắng

Tổng số sinh viên dự thi:.....32

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:.....6

Ngày 31... tháng 12... Năm 25...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


 Nguyễn Thị Hồng Hạnh


 Phan Thuý Nga



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Nghiên cứu marketing

Vẽ/Chấm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	158	5,8	1	Linh	Chấm
2	000037	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	159	6,0	1	Long	Lê?
3	000038	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	160	4,3	1	Ly	Chấm
4	000039	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	161	4,8	1	Mai	Lê?
5	000040	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01	162	5,3	1	Mạnh	Chấm
6	000041	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	163	5,8	1	Nga	Lê?
7	000042	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	164	6,8	1	Nguyên	Chấm
8	000043	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	165	4,5	1	Nhung	Lê?
9	000044	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	166	6,0	1	Oanh	Chấm
10	000045	1101030670	Lê Minh	Phương	04/08/2005	QM11A	01	167	5,0	1	Phương	Lê?
11	000046	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	168	6,8	1	Quân	Chấm
12	000047	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	169	4,3	1	Quỳnh	Lê?
13	000048	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến Thắng		13/07/2005	QM11A	01	170	6,8	1	Chiến	Chấm
14	000049	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	171	5,3	1	Thảo	Lê?
15	000050	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	172	3,8	1	Thịnh	Chấm
16	000051	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	173	5,8	1	Thư	Lê?
17	000052	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	174	7,5	1	Thúy	Chấm
18	000053	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	175	5,5	1	Trà	Lê?
19	000054	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	176	4,5	1	Trang	Chấm
20	000055	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01	177	5,5	1	Trúc	HP Lê?
21	000056	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	178	5,0	1	Tùng	Chấm
22	000057	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01					
23	000058	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	179	7,5	1	Yến	Chấm
24	000059	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	180	5,0	1	Yến	Lê?

Tổng số sinh viên dự thi: 23

Tổng số tờ giấy thi: 23

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Diệp

Lưu Thị Yến